

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Số: 126/1998/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm đến năm 2000

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 26 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội về nhiệm vụ năm 1998;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Văn bản số 93/CSLĐ ngày 17 tháng 11 năm 1997, văn bản số 1653/BLĐTBXH-CSLĐ ngày 23 tháng 5 năm 1998 và ý kiến thẩm định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 2994 BKH/VPTĐ ngày 07 tháng 5 năm 1998,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm đến năm 2000 (kèm theo Quyết định này) với những nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên Chương trình: Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm đến năm 2000.
- Cơ quan quản lý Chương trình: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Mục tiêu của Chương trình:

a) Mục tiêu cơ bản lâu dài:

Tạo việc làm mới và bảo đảm việc làm cho người lao động có khả năng lao động, có yêu cầu việc làm; thực hiện các biện pháp để trợ giúp người thất nghiệp nhanh chóng có được việc làm, người thiếu việc làm có đủ việc làm, đặc biệt có chính sách trợ giúp cụ thể các đối tượng yếu thế trong thị trường lao động; thông qua đó giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết việc làm cho người lao động, nhằm từng bước thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể:

Mỗi năm thu hút thêm 1,3-1,4 triệu lao động có chỗ làm việc, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống 5% và nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 75% vào năm 2000.

4. Những nội dung hoạt động cụ thể của Chương trình:

- a) Tổ chức nghiên cứu, phân tích đánh giá tác động của chủ trương, chính sách vĩ mô đến tăng, giảm việc làm để kiến nghị các giải pháp; tổ chức xây dựng và thẩm định chỉ tiêu tạo việc làm mới và giảm chỗ làm việc trong các kế hoạch Nhà nước, các chương trình, các dự án.
- b) Tăng cường thực hiện có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ trực tiếp để giải quyết việc làm cho các đối tượng yếu thế trong thị trường lao động.
- c) Tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ việc làm để người thất nghiệp, người thiếu việc làm đăng ký tìm việc làm tại các cơ sở thuộc hệ thống dịch vụ việc làm của Chương trình trên phạm vi cả nước và các dịch vụ việc làm cho người sử dụng lao động khi có yêu cầu.
- d) Tổ chức điều tra lao động, việc làm; thu thập, xử lý thông tin về thị trường lao động và công bố tình hình lao động, việc làm hàng năm.
- đ) Tổ chức đầu tư xây dựng trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các Trung tâm dịch vụ việc làm, trên cơ sở lựa chọn và tổ chức lại các Trung tâm xúc tiến việc làm hiện có ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ sở vệ tinh của các Trung tâm dịch vụ việc làm này tại các thị xã, thị trấn, thị tứ, khu công nghiệp tập trung, đảm bảo thực hiện các hoạt động dịch vụ việc làm trong thị trường lao động.
- e) Đào tạo và đào tạo lại nghề theo hợp đồng học nghề gắn với việc làm cho người thất nghiệp đã đăng ký tìm việc làm, chủ yếu là thanh niên nông thôn tại các cơ sở dạy nghề của Trung tâm dịch vụ việc làm hoặc các cơ sở dạy nghề khác do Trung tâm dịch vụ việc làm giới thiệu.
- g) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ từ 1-2 lần/năm cho các nhân viên dịch vụ việc làm của Chương trình và các cán bộ quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm, Chương trình giải quyết việc làm của địa phương.
- h) Đầu tư xây dựng, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện dạy nghề cho các cơ sở dạy nghề thuộc hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ sở dạy nghề dành riêng cho người tàn tật để có đủ năng lực bảo đảm thực hiện các hoạt động đào tạo của Chương trình.
- i) Tổ chức cho vay vốn để người thất nghiệp, người thiếu việc làm tự tạo việc làm; người sử dụng lao động bố trí việc làm ổn định cho những người thất nghiệp đã đăng ký tìm việc làm; doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ để đảm bảo việc làm cho người lao động; dạy nghề và tạo việc làm cho lao động là người tàn tật.

k) Xây dựng, bổ sung các chính sách bảo đảm thực hiện Chương trình, tổ chức các hoạt động thông tin thị trường lao động, tuyên truyền, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình.

5. Kinh phí của Chương trình:

a) Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm đến năm 2000 ước tính 4.800 tỷ đồng, sẽ được cụ thể hoá và bố trí trong kế hoạch hàng năm cho từng nội dung hoạt động của các dự án thành phần.

b) Nguồn vốn đầu tư:

Ngân sách Nhà nước;

Trợ giúp của các nước;

Các nguồn khác.

6. Cơ chế quản lý Chương trình:

Việc xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện các dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm thực hiện theo Quyết định số 05/1998/QĐ-TTg ngày 14 tháng 1 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 2. Giao cho các cơ quan sau đây có nhiệm vụ quản lý và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm:

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm quản lý Chương trình; trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm Chương trình; chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành, đoàn thể liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, hàng năm tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm: Cân đối và bố trí kế hoạch hàng năm để thực hiện Chương trình trên cơ sở thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy chế kế hoạch hoá hiện hành.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm: Bố trí và bảo đảm ngân sách Nhà nước cấp mới hàng năm cho Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm để thực hiện Chương trình theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức xây dựng và thực hiện chương trình giải quyết việc làm, lập quỹ giải quyết việc làm của địa phương theo quy định của Bộ Luật Lao động; thực hiện triển khai các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm tại địa phương; báo cáo định kỳ với Thủ tướng Chính phủ (thông qua Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) về tình hình thực hiện Chương trình theo quy định.

Điều 3. Đề nghị các đoàn thể quần chúng tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm trong phạm vi hoạt động của đoàn thể mình, đồng thời tham gia giám sát việc thực hiện Chương

trình mục tiêu quốc gia về việc làm của các cấp chính quyền liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM ĐẾN NĂM 2000

(Kèm theo Quyết định số 126/1998/QĐ-TTg, ngày 11 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ)

Thất nghiệp - Tăng trưởng kinh tế - Lạm phát là ba vấn đề quan trọng hàng đầu của mỗi quốc gia trong nền kinh tế thị trường. Ba chỉ số này phản ánh khái quát nhất, toàn diện nhất thực trạng nền kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Hiện nay, thất nghiệp đã và đang trở thành vấn đề toàn cầu, là mối quan tâm lớn của Chính phủ các nước, các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế và của mọi người lao động. ở nước ta, thất nghiệp đang và sẽ diễn biến rất phức tạp trong quá trình vận động và phát triển của nền kinh tế trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Để thực hiện mục tiêu về giải quyết việc làm do Đại hội Đảng VIII đề ra và Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển xã hội Copenhagen - Đan mạch, tháng 3/1995.

Căn cứ Điều 15 và Điều 180 của Bộ Luật Lao động, Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm đến năm 2000 nhằm bảo đảm cho mọi người có khả năng lao động, có nhu cầu làm việc đều có cơ hội có việc làm, tiến tới có việc làm đầy đủ, việc làm có hiệu quả và tự do lựa chọn, góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

PHẦN MỘT

TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM

I- TÌNH HÌNH GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM TRONG 10 NĂM ĐỔI MỚI:

1- Đánh giá chung:

Thực hiện đường lối "đổi mới" của Đảng, thời gian qua đất nước bước đầu đã thoát ra khỏi khủng hoảng và đang tăng trưởng với tốc độ cao, lạm phát được kiểm soát tích cực, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị giảm từ 9-10% những năm 1989-1990, 6,08% năm 1994 xuống còn 5,88% năm 1996 và 6,01% năm 1997. Gần 1 triệu người thôi việc từ khu vực Nhà nước, hàng chục vạn bộ đội xuất ngũ đã được bố trí việc làm hoặc được hỗ trợ để tự tạo việc làm. Thống kê trong 6 năm (1991-1996) đã có trên 6 triệu người được giải quyết việc làm mới hoặc có thêm việc làm đầy đủ hơn. Năm 1997 có khoảng 1,2 triệu người đã được giải quyết việc làm.

2- Nguyên nhân:

Một là: Nhận thức về việc làm và cách thức giải quyết việc làm của Nhà nước, của người lao động và người sử dụng lao động đã có sự thay đổi căn bản. Nhà nước ban hành luật pháp tạo ra môi trường, các cơ hội thuận lợi để mọi người tự tạo việc làm cho mình và giải quyết việc làm cho những người khác. Nhận thức mới này bắt nguồn từ thực tiễn, được thể hiện trong Nghị quyết 120/HĐBT ngày 11/4/1992 và đã được ghi nhận trong Bộ Luật lao động năm 1994.

Hai là: Việc xây dựng và thực hiện Bộ Luật lao động, khung pháp luật về quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường đã được xác lập tương đối hoàn chỉnh, tạo điều kiện cho việc thuê mướn sử dụng lao động, thúc đẩy quan hệ lao động và thị trường lao động phát triển, góp phần xây dựng các nền tảng kinh tế - xã hội cho sự phát triển đất nước một cách bền vững.

Ba là: Đi đôi với việc thu hút vốn đầu tư trong nước và ngoài nước để phát triển sản xuất nhờ đó nhiều người có việc làm, Nhà nước đã tăng cường hỗ trợ trực tiếp cho người lao động để họ nhanh chóng tìm kiếm được việc làm phù hợp hoặc tự tạo được việc làm, cụ thể:

Lập quỹ quốc gia giải quyết việc làm để cho vay vốn với lãi suất ưu đãi theo các dự án nhỏ giải quyết việc làm;

Hỗ trợ giải quyết việc làm đối với thương binh và người tàn tật;

Thành lập các Trung tâm xúc tiến việc làm để thực hiện chức năng dạy nghề và tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động. Các Trung tâm xúc tiến việc làm nêu trên là tiền thân của tổ chức dịch vụ việc làm được quy định trong Bộ Luật Lao động. Hệ thống này, đã góp phần tích cực vào việc giải quyết việc làm những năm 1991-1996 và sẽ có vị trí đặc biệt quan trọng trong Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm khi được tổ chức lại và hoạt động theo quy định của Bộ Luật Lao động.